TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15/01/2026
Về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Nhiêu Phong;

+ Bà Hoàng Thị Thanh Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lâm Vĩ Khang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Giàu – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 458/2025/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D; sinh năm 1989; Số CCCD: 072189010980 cấp ngày 27/12/2021; địa chỉ: Khu phố N, phường T, tỉnh Tây Ninh; (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn S; sinh năm 1983; Số CCCD: 072083004089 cấp ngày: ….; địa chỉ: Khu phố N, phường T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị D và anh Trần Văn S quen biết nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh năm 2008. Quá trình chung sống, ban đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân. Nay,

chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S

Về con chung, quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung, gồm cháu Trần Văn L sinh ngày 19/8/2005 và Trần Phú Q, sinh ngày 08/10/2014. Hiện nay, cháu L đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân; cháu Q đang sống cùng anh S nên chị D yêu cầu tiếp tục giao cháu Q cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Về tài sản chung, nợ chung, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế sinh sống tại khu phố N, phường T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh S không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Trần Văn S. Về con chung, cháu L đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết; Giao cháu Trần Phú Q, sinh ngày 08/10/2014 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị D không cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Anh Trần Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế sinh sống tại khu phố N, phường T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Tranh chấp ly hôn, con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vào năm 20108. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị D khởi kiện xin ly hôn với anh S vì quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng, anh chị hiện đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh S không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị D cũng như không có ý chí hàn gắn, đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã trầm trọng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Trần Văn S

[3] Về con chung, quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung, gồm cháu Trần Văn L sinh ngày 19/8/2005 và cháu Trần Phú Q, sinh ngày 08/10/2014

Xét thấy cháu L đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết, cháu Q có nguyện vọng được sống cùng anh S cũng như hiện đang sống ổn định cùng anh S nên cần tiếp tục giao cháu Q cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D không cấp dưỡng nuôi cháu Q

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Lê Thị D đối với anh Trần Văn S

Về hôn nhân, chị Lê Thị D được ly hôn với anh Trần Văn S

Về con chung, cháu Trần Văn L sinh ngày 19/8/2005 đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết; Giao con chung là cháu Trần Phú Q, sinh ngày 08/10/2014 cho anh Trần Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Trang đã nộp theo Biên lai thu số 0006909 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp án phí xong.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND KV 11-TN;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Song Tố Như